TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 755/2024/DS-PT
Ngày: 12-9-2024

"V/v chia di sản thừa kế; Thay đổi người quản lý di sản; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xác lập quyền sở hữu chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 347/2024/TLPT- DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc: *"chia di sản thừa kế; Thay đổi người quản lý di sản; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xác lập quyền sở hữu chung"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2599/2024/QĐ-PT, ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Châu Thị B, sinh năm 1941; cư trú tại: số nhà A, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bà Châu Thị L, sinh năm 1943; cư trú tại: số B, Nguyễn Văn C, tổ C, khóm A, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt);

3. Ông Châu Hồng Đ, sinh năm 1948; cư trú tại: Dé - T - 31- 5231 WL - D - B (Hà Lan).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: ông La Trung T, sinh năm 1966; cư trú tại tại: số nhà A, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Uy D (K), sinh năm 1967 (có mặt);

2. Bà Võ Thị H, sinh năm 1971 (vắng mặt);

3. Ông Lê Vĩnh N, sinh năm 2000 (vắng mặt);

4. Bà Lê Quỳnh N1 (Huỳnh N2), sinh năm 2003 (có mặt);

Cùng cư trú tại: tổ A, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện ủy quyền của bà Võ Thị H*:* ông Lê Uy D, sinh năm 1967 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D*, bà* H*:* Luật sư Nguyễn Ngọc C1, Văn phòng luật sư Nguyễn Trần , thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: số F đường C, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Châu Thị H1 (chết năm 2012);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị H1*:*

1.1 Ông Lê Uy Đ1, sinh năm 1961. Cư trú tại: số A, tổ A, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt);

1.2 Bà Lê Thị Cẩm T1, sinh năm 1963. Cư trú tại: tổ A, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt);

1.3 Ông Lê Uy D, sinh năm 1967. Cư trú tại: tổ A, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bà Châu Thị C2 (chết năm 1999);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị C2*:*

2.1 Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1952 (chết ngày 12/5/2024);

2.2 Bà Nguyễn Thị Kim B1 (chết năm 2016);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Kim B1*:*

2.2.1 Bà Trần Thị Thiên K1, sinh năm 1975;

2.2.2 Ông Trần Duy L1, sinh năm 1976;

2.2.3 Bà Trần Thị Thiên T2, sinh năm 1979;

2.2.4 Bà Trần Thị Thiên H2, sinh năm 1983;

Cùng nơi cư trú tại: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

2.3 Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1959.

2.4 Bà Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh năm 1961.

2.5 Bà Nguyễn Thị Thu T4, sinh năm 1963.

2.6 Ông Nguyễn Thanh H4, sinh năm 1968.

Cùng cư trú tại: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông H3*, bà* T4*, ông* H4*:* bà Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh năm 1961. Cư trú tại: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Bà Châu Thị Ả (chết năm 2015);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị Ả*:*

3.1 Bà Hà Ngọc N3, sinh năm 1954. Cư trú tại: số C, L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.2 Ông Hà Đăng Đ2, sinh năm 1955. Cư trú tại: số B, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3.3 Ông Hà Đăng T5 (chết năm 2008);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Đăng T5*:*

3.3.1 Bà Hồ Thị Đ3, sinh năm 1960 (vắng mặt).

3.3.2 Bà Hà Thanh S, sinh năm 1978 (vắng mặt).

3.3.3 Bà Hà Ngọc Thanh M, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: số E, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

3.3.4 Hà Ngọc B2, sinh năm 1958 (không rõ địa chỉ);

3.3.5 Hà Đăng P, sinh năm 1968 (chết năm 2004);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Đăng P*:* Bà Hà Phạm Bảo T6, sinh năm 1994; cư trú tại: số E, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. Ông Hà Đăng L2, sinh năm 1966. Cư trú tại: số A, L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

5. Bà Hà Ngọc M, sinh năm 1969. Cư trú tại: Pieter B T.

Người đại diện ủy quyền của bà Hà Ngọc M: bà Châu Thị L, sinh năm 1943 (có mặt).

6. Ông Hà Tích T7, sinh năm 1973. Cư trú tại: A Gola A, Q, 4107 Australia (vắng mặt).

7. Bà Trương Ngọc M1, sinh năm 1952. Cư trú tại: Dé - T - 31- 5231 WL – D - B (vắng mặt).

8. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Lê Uy D, bà Võ Thị H, Lê Vĩnh N, Lê Quỳnh N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Châu Thị B, *bà* Châu Thị L, *ông* Châu Hồng Đ *trình bày yêu cầu khởi kiện:*

Nguồn gốc di sản thừa kế là của ông Châu Văn P1 và bà Nguyễn Thị S1 tạo lập. Hai cụ có 08 người con là Châu Thị Q1, Châu Thị C3, Châu Thị S2, Châu Văn C4, Châu Văn T8, Châu Văn T9, Châu Thị S3, Châu Thiện N4, hiện nay các cụ đã chết. Ông Châu Văn P1, bà Nguyễn Thị S1 có giao tài sản nhà đất cho vợ chồng con Châu Văn T9 và Lâm Thị N5 thể hiện theo tờ thuận phân ngày

13/02/1959 đã được cơ quan sở tại vi chứng. Ngày 25/7/1960, các con của hai cụ tự nguyện lập tờ chia đất thừa hưởng, riêng nhà phủ thờ và đất hương quả chưa phân chia giao cho cụ N5 giữ để thờ cúng đã được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Cụ T9 và cụ N5 có 06 người con là bà Châu Thị B, bà Châu Thị L, bà Châu Thị C2, bà Châu Thị Ả, bà Châu Thị H1, ông Châu Hồng Đ. Khi còn sống hai cụ có phân chia tài sản cho các con đất ruộng sử dụng ổn định không tranh chấp. Di sản gồm có căn nhà phủ thờ số 15 gắn liền diện tích đất 2.214m^2 (TC+ LNK) hai cụ giữ làm nơi thờ cúng dòng họ C1, hai cụ không lập di chúc.

Khi bà Châu Thị Hoàng ly h chồng năm 1989, do hoàn cảnh khó khăn nên chị em thống nhất cho về ở chung nhà với mẹ. Năm 1993, bà N5 chết chị em thống nhất thực hiện theo ý chí của mẹ là nhà phủ thờ và đất hương quả giao cho vợ chồng ông Đ quản lý thờ cúng, khi ông Đ chưa về nước thì mẹ con bà H1 ở quản lý, di sản này cha mẹ chưa tặng cho riêng ai. Đến khi bà H1 chết con là ông Lê Uy D ở quản lý đến nay. Thời gian qua vợ chồng ông Đ gửi tiền về cho D tu bổ sửa chữa nhà phủ thờ. Trong quá trình quản lý di sản, vợ chồng D đã tự ý kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để trở thành tài sản chung của vợ chồng. Khi bị phát hiện hành vi sai trái này vợ chồng D, bà H tự nguyện viết nhiều tờ xác nhận và cam kết thể hiện qua tờ xác nhận ngày 01/10/2014 và tờ xác nhận ngày 03/11/2014, riêng ông D tự viết 02 tờ cam kết ngày 31/10/2014 có nội dung xác định nhà đang ở là của ông bà để lại phủ thờ họ C1 và đất là di sản của họ C1, vợ chồng không được chuyển nhượng cầm cố, thế chấp nhà và đất dưới mọi hình thức. Thời gian gần đây, vợ chồng ông D có thái độ không tốt, gây cản trở, có lời xúc phạm không cho các ông bà đến cúng viếng tổ tiên, từ đó phát sinh tranh chấp gay gắt .

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu nội dung khởi kiện có nội dung như sau:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01504, do UBND huyện P cấp cho ông Lê Uy D, bà Võ Thị H ngày 10/12/2012 vì đây là di sản thừa kế không phải tài sản chung của vợ chồng ông D, bà H.

- Chia di sản thừa kế của cụ T9 và cụ N5 là căn nhà số A gắn liền diện tích đất 2.214m^2 (TC+ LNK) tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang làm 6 phần. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 23/6/2021, tài sản gắn liền với đất là 574.112.491 đồng; quyền sử dụng đất ở có giá trị 1.758.600.000 đồng; quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm có giá trị 485.814.000 đồng. Tổng giá trị là 2.818.521.491 đồng. Yêu cầu phân chia làm 6 phần nên mỗi kỷ phần được hưởng là 402.646.641 đồng. Nguyên đơn yêu cầu được giữ hiện vật nhà và đất, ông bà đồng ý giao lại cho bà H1 và bà Ả mỗi người một kỷ phần thừa kế là 402.646.641 đồng. Khi các con của bà Ả có yêu cầu nhận kỷ phần thì các ông bà giao lại và yêu cầu tự giải quyết. Do ông D, bà H có công sức quản lý, gìn giữ, tôn tạo di sản, nên giao cho ông D, bà H được hưởng một suất thừa kế như các đồng thừa kế khác số tiền 402.646.641

đồng. Ông Đ và bà M1 chịu trách nhiệm giao lại tiền cho con bà H1 và con bà Ả nhận, ông D, bà H nhận.

- Nguyên đơn yêu cầu xác lập tài sản đồng sở hữu chung đối với 04 kỷ phần thừa kế được hưởng để tiếp tục làm di sản thừa kế dùng vào việc thờ cúng dòng họ C1.

- Yêu cầu thay đổi chấm dứt người quản lý di sản thừa kế đối với ông D và bà H vì tài sản thừa kế đã phân chia và ông D bà H không làm tốt nghĩa vụ của người quản lý di sản. Ông Châu Hồng Đ và vợ bà Trương Ngọc M1 yêu cầu được quản lý tài sản, xác lập đồng sở hữu chung nhà và đất để tiếp tục duy trì nơi thờ cúng dòng họ C1 theo ý nguyện của mẹ trước khi chết đã căn dặn và theo tập quán của người Việt Nam con trai thờ cúng ông bà.

- Đối với yêu cầu phản tố của ông D và bà H do ông D và bà H đã rút lại yêu cầu, nguyên đơn không có ý kiến. Ông Đ và bà M1 tự nguyện hỗ trợ cho ông D và bà H số tiền 100.000.000 đồng là chi phí sửa nhà vệ sinh, làm hàng rào, trồng cây và san lấp đất…Thực tế thời gian qua ông Đ và bà M1 có gửi tiền cho ông D nhiều lần 5.200 EUR và 23.000.000 đồng để tu sửa nhà phủ thờ nên ông D bà H không phải bỏ tiền riêng ra để sửa nhà phủ thờ, ông bà không yêu cầu khấu trừ số tiền đã gửi về cho ông D, bà H.

- Nguyên đơn đồng ý cho bị đơn thời gian lưu trú theo quy định pháp luật, thực tế ông D và bà H đã có sẵn căn nhà và đất nông nghiệp nên hoàn cảnh không khó khăn.

- Đối với các vật dụng sinh hoạt và thờ cúng thuộc về di sản thừa kế ghi nhận tại biên bản thẩm định ngày 04/8/2015 thể hiện có 02 tủ đứng, 01 tủ thờ, 03 bàn thờ, 01 tủ nhỏ, 01 bàn gỗ dài, 02 tủ gỗ, 01 tủ gỗ áo, 03 giường gỗ, 01 bàn gỗ nhỏ, 01 tủ quần áo gỗ, 01 bộ lư nhất, 03 bộ thành vọng, 06 tấm liễng ốp, các vật dụng này nguyên đơn yêu cầu tự giải quyết giữ để dùng vào việc thờ cúng tổ tiên.

Bị đơn ông Lê Uy D, *bà* Võ Thị H, Lê Quỳnh N1 *(*H*) và* Lê Vĩnh N *trình bày ý kiến:*

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý.

- Ông D và bà H xác định di sản nhà và đất hương quả là di sản của cụ P1 và cụ S1 để lại và bà Châu Thị Hoàng q ký hơn 60 năm nên di sản thuộc quyền sở hữu của bà H1 và bà đã tặng cho vợ chồng bị đơn nên không còn là di sản thừa kế họ C1 mà là tài sản chung của vợ chồng. Bị đơn tiếp tục ở ổn định.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn với những nội dung sau:

+ Ông D và bà H xác định có bỏ ra số tiền 407.752.900 đồng để trùng tu, sửa chữa nhà số A và trồng cây các loại. Do có công gìn giữ nhà đất nên yêu cầu được hưởng 140.000.000 đồng. Tổng giá trị yêu cầu là 547.752.900 đồng. Nếu xác định di sản nhà đất là của cụ N5, cụ T9 thì ông D, bà T1, ông Đ1 hàng thừa kế của bà H1 nhận kỷ phần 402.646.641 đồng. Ai đại diện cho hàng thừa kế cụ N5, cụ T9 giao cho ông cũng được.

+ Ngày 06/6/2016, ông D bà H có đơn xin rút lại tất cả nội dung phản tố. Bị đơn không đồng ý nhận số tiền theo sự tự nguyện của ông Đ và bà M1 và không có yêu cầu được tiếp tục quản lý di sản thừa kế nhà và đất của cụ N6 và cụ T9 để lại vì đây là tài sản chung của vợ chồng ông bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà* Châu Thị H1 *(chết năm 2012):* ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1 thống nhất theo lời trình bày của bị đơn. Ông và bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà* Châu Thị C2 *(chết năm 1999*): 1/Bà Nguyễn Thị E; 2/bà Nguyễn Thị Kim B1 (chết) người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà B1 gồm: bà Trần Thị Thiên H2, ông Trần Duy L1, bà Trần Thị Thiên T2, bà Trần Thị Thiên H2; 3/ông Nguyễn Văn H3; 4/bà Nguyễn Thị Ngọc T3, 5/bà Nguyễn Thị Thu T4; 6/ ông Nguyễn Thanh H4 do bà Nguyễn Thị E đại diện ủy quyền thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Các ông bà có yêu cầu độc lập, yêu cầu kỷ phần thừa kế của bà C2 được thừa hưởng xin được xác nhập vào tài sản đồng sở hữu chung với nguyên đơn để làm di sản thờ cúng dòng họ C1.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà* Châu Thị Ả *(chết năm 2015):*

Bà Hà Ngọc N3, ông Hà Đăng Đ2, ông Hà Đăng L2, bà Hà Ngọc M, ông Hà Tích T7, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông Hà Đăng T5 có bà Hồ Thị Đ3, Hà Thanh S, Hà Ngọc Thanh M.

Bà N3 có văn bản trình bày ý kiến ngày 15/10/2015, bà xác định đồng ý theo nội dung các giấy tờ trước đây mẹ của bà đã ký kết và không có yêu cầu gì khác và do sức khỏe không tốt nên xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

Ông Hà Tích T7 và bà Hà Ngọc M có văn bản trình bày ý kiến không có yêu cầu độc lập và xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án. Các ông bà còn lại không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Bà* Trương Ngọc M1 *có yêu cầu độc lập, trình bày ý kiến:* bà M1 thống nhất theo yêu cầu của chồng là ông Đ, bà đồng ý chịu trách nhiệm liên đới với ông Đ giao lại kỷ phần thừa kế cho các hàng thừa kế của cụ N5 và cụ T9. Ông bà quản lý tài sản chung được xác nhập là nhà phủ thờ và đất hương quả của dòng họ C1 để tiếp tục thờ cúng tổ tiên. Bà đồng ý cùng chồng tự nguyện hoàn trả tiền cho các hàng thừa kế khác; ông bà không yêu cầu số tiền gửi về cho D trùng tu sửa nhà, không yêu cầu giải quyết.

- Ủy ban nhân dân huyện P *trình bày ý kiến:* tại Văn bản số 2484 ngày 07/8/2015 chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P xác định nguồn gốc sử dụng là đất ở của bà Châu Thị H1 sử dụng từ năm 1975 đến năm 1998 để lại cho con ruột Lê Uy D sử dụng đến nay. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01504 ngày 10/12/2012 diện tích 2.214m^2 thửa số 70,71 tờ bản đồ số

20 cấp cho ông D và bà H được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ủy ban xin vắng mặt không tham gia tố tụng vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị B, bà Châu Thị L, ông Châu Hồng Đ và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trương Ngọc M1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị C2 do bà bà Nguyễn Thị E đại diện theo ủy quyền như sau:

1.1. Xác định hàng thừa kế được quyền hưởng di sản của cụ Lâm Thị N5 và cụ C1 VănTốt gồm có: bà Châu Thị B, bà Châu Thị L, bà Châu Thị C2, bà Châu Thị Ả, bà Châu Thị H1, ông Châu Hồng Đ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B3 Châu Thị C2 gồm có 1/bà Nguyễn Thị E, 2/bà Nguyễn Thị Kim B1 (chết) người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà B1 gồm: bà Trần Thị Thiên H2, ông Trần Duy L1, bà Trần Thị Thiên T2, bà Trần Thị Thiên H2, 3/ông Nguyễn Văn H3, 4/bà Nguyễn Thị Ngọc T3, 5/bà Nguyễn Thị Thu T4, 5/ông Nguyễn Thanh H4. Người đại diện ủy quyền bà Nguyễn Thị E.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B3 Châu Thị Ả gồm có bà Hà Ngọc N3, ông Hà Đăng Đ2, ông Hà Đăng L2, bà Hà Ngọc M, ông Hà Tích T7, ông Hà Đăng T5. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Đăng T5 có bà Hồ Thị Đ3, Hà Thanh S và Hà Ngọc Thanh M.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị H1 có ông Lê Uy D, ông Lê Uy Đ1 và bà Lê Thị Cẩm T1.

1.2 Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có diện tích 2.214m^2 số CH 01504 ngày 10/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho Lê Uy D, bà Võ Thị H.

Các đương sư có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có diện tích 2.214m^2 theo quy định cùa pháp luật.

1.3 Xác định di sản thừa kế của cụ Lâm Thị N5 và cụ C1 VănTốt là căn nhà số A gắn liền diện tích 2.214m^2 đất (ở nông thôn và trồng cây lâu năm, trong đó có 167,8 m^2 là diện tích nằm trong hành lang giao thông) tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang có giá trị chung là 2.818.526.491 đồng.

1.4 Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 402.646.641 đồng. Ông Châu Hồng Đ, bà Châu Thị L, bà Châu Thị B, bà Châu Thị C2 được nhận hiện vật. Bà Châu Thị H1 và bà Châu Thị Ả được nhận giá trị bằng tiền.

1.5 Ông Châu Hồng Đ và bà Trương Ngọc M1 tự nguyện liên đới trách nhiệm giao lại 01 kỷ phần thừa kế cho bà Châu Thị H1 được hưởng 402.646.641 đồng, do các thừa kế của bà H1 nhận gồm có ông Lê Uy D, ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị C5. Đối với 01 kỷ phần thừa kế của bà Châu Thị Ả ông Châu Hồng Đ và bà

Trương Ngọc M1 có trách nhiệm tạm quản lý khi nào các con của bà Ả có yêu cầu thì giao lại.

1.6 Ông Châu Hồng Đ và Trương Ngọc M1 có trách nhiệm giao lại số tiền 402.646.641 đồng ông Lê Uy D, bà Võ Thị H do được nhận 01 kỷ phần tiền bồi đắp, công sức gìn giữ, quản lý di sản.

1.7 Chấp nhận yêu cầu xác lập quyền sở hữu tài sản chung được thừa kế để làm nơi thờ cúng dòng họ C1 đối với tài sản căn nhà số A gắn liền diện tích 2.214m^2 đất (ở nông thôn và trồng cây lâu năm, trong đó có 167,8 m^2 là diện tích nằm trong hành lang giao thông) tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang là tài sản chung đồng sở hữu của bà Châu Thị B, bà Châu Thị L, bà Châu Thị C2, ông Châu Hồng Đ. Ông Châu Hồng Đ và bà Trương Ngọc M1 quản lý tài sản chung để thờ cúng tổ tiên dòng họ C1, bà L tạm quản lý trong thời gian chờ ông Đ và bà M1 trở về Việt Nam sống.

1.8 Chấm dứt quyền quản lý của ông Lê Uy D và bà Võ Thị H đối với di sản thừa kế của cụ Lâm Thị N5 và cụ Châu Văn T9 đối với căn nhà số A gắn liền diện tích 2.214m^2 đất (ở nông thôn và trồng cây lâu năm, trong đó có 167, 8 m^2 là diện tích nằm trong hành lang giao thông) tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Ông bà có trách nhiệm giao lại nhà và đất cho ông Đ, bà L, bà B, và các con của bà C2 để sở hữu tài sản chung.

1.9 Thời gian lưu cư của ông Lê Uy D, bà Võ Thị H, ông Lê Vĩnh N và bà Lê Quỳnh N1 là 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2023 bị đơn ông Lê Uy D, bà Võ Thị H, Lê Vĩnh N, Lê Quỳnh N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Luật sư Nguyễn Ngọc C1 *trình bày:* Ông D, bà H1 cùng bà H là người đã trực tiếp ở đây, quản lý sử dụng, sửa chữa, xây mới để có được cơ ngơi như ngày hôm nay. Ông D, bà H và 2 con không còn nơi ở nào khác. Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông D được tiếp tục trực tiếp sử dụng phần diện tích đất này nếu xác định nó là di sản. Trong vụ án còn nhiều vấn đề cần được xem xét như có đương sự là hàng thừa kế đang định cư ở nước ngoài. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của ông D, chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Ông La Trung T *trình bày:* nguyên đơn không đồng ý giao lại cho ông D phần di sản của ông bà để lại do hàng thừa kế thứ nhất vẫn còn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vú án:

Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; Tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với các đương sự Lê Vĩnh N, ông Lê Uy đ, bà Lê Thị Cẩm T1 có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của những đương sự trên. Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Uy D, bà Võ Thị H và Lê Quỳnh N1 thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Tại phiên tòa, những người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Uy D, bà Võ Thị H, Lê Vĩnh N, Lê Quỳnh N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1 trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn Lê Vĩnh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1 có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Những người này có cùng địa chỉ và số điện thoại liên hệ với ông Lê Uy D; ông D xác nhận những người này có nhận được giấy triệu tập và thông báo về việc tham dự phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn Lê Vĩnh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định trình tự, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, quan hệ tranh chấp, hàng thừa kế, di sản thừa kế trong vụ án là phù hợp theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét về nguồn gốc di sản thừa kế:

[4.1] Nguồn gốc di sản thừa kế tranh chấp các bên xác định có nguồn gốc là của cụ P1 và cụ S1 tạo lập. Cụ S1 chết năm 1930, cụ P1 chết năm 1936, do hai cụ chết không lập di chúc nên vào năm 1959, các hàng thừa kế có lập văn bản thỏa thuận, thuận phân chia phần đất hương quả giao lại cho cụ N5 quản lý vì cụ T9 đã chết năm 1948 để thu góp huê lợi mà phụng cúng cho cụ P1 và cụ S1. Đến ngày 25/7/1960, cụ N5 cùng các con lập tờ thỏa thuận được vi chứng tại chính quyền xã B Đông thể hiện bất động sản đã chia cho các con, còn lại phần đất hương hoả dành cho cụ N5 hưởng huê lợi cho đến mảng phần. Trong quá trình cụ N5 quản lý đất hương quả gắn liền nhà phủ thờ không có tranh chấp cho đến năm 1993, cụ N5 chết không lập di chúc thì bà H1 và các con cùng ở quản lý nhà và tài sản trên.

[4.2] Căn cứ theo nội dung xác nhận của công an xã B tại văn bản số 08/TB-CAX ngày 21/6/2017 và của công an huyện P số 152/CAH-QLHC ngày 09/5/2017 thể hiện nội dung từ ngày 10/3/1977 bà Lâm Thị N5 là chủ hộ, hộ khẩu số 43, căn nhà số A hiện nay tại ấp B, xã B, huyện P bà N5 sống cùng các con không có tên của bà H1 và các con của bà H1 vì thời gian này bà Châu Thị H1 đang sống tại địa chỉ khác là chủ hộ, hộ khẩu tại số A ấp B, xã B, huyện P. Cho đến ngày 02/01/1989, bà N5 đến công an xã B liên hệ làm hồ sơ nhập hộ khẩu từ hộ khẩu số 43 ấp B, xã B của bà N5 vào chung hộ khẩu số 102 của bà Hoàng t hộ khẩu chung là số A ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Từ ngày 30/11/2012, ông D (con của bà H1) sau khi làm hồ sơ khai tử cho bà H1 thì làm chủ hộ hộ khẩu số 102 cho đến nay. Như vậy, bà N5 là người quản lý nhà và đất xuyên suốt từ khi cụ P1 và cụ S1 chết và từ năm 1989 thì bà H1 cùng các con bà H1 chính thức sống tại căn nhà số A cùng bà N5. Năm 1993, bà N5 chết, bà H1 tiếp tục ở quản lý nhà đất cho đến năm 2012, bà H1 chết nên ông D, bà H cùng các con ở quản lý cho đến nay.

[4.3] Căn cứ Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2011/DS-ST ngày 06/8/2011 và Bản án dân sự phúc thẩm số 363/2011/DS-PT ngày 30/11/2011 thể hiện có sự tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thu V với bà Châu Thị H1 do ông Lê Uy D đại diện ủy quyền; các bên tranh chấp cây me chứ không tranh chấp QSDĐ và bà H1 bị buộc phải chặt đốn hạ cây me, di dời ra khỏi đất của bà V, nội dung không đề cập đến di sản nhà đất tranh chấp là tài sản riêng của bà H1. Căn cứ quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 08/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh A đã nhận xét đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Châu Văn T9 và bà Lâm Thị N5. Ngày 07/2/1977, bà N5 và 02 con là Châu Thị H1, Châu Thị Ả lập tờ cho đứt phần đất thổ cư cho bà V. Bà H1 thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 12/8/1999, mẹ của bà cho đất bà V và bà V xác định đã mua đất của bà N5 từ năm 1977 giá 500.000 đồng. Quyết định đã bác yêu cầu khiếu nại của ông Lê Uy D. Như vậy, đã thể hiện đất tranh chấp không thuộc quyền định đoạt của bà H1 mà đất có nguồn gốc là tài sản của ông T9 và bà N5 và quyền định đoạt là của bà N5. Ông D không cung cấp được chứng cứ chứng minh di sản thừa kế bà H1 được tặng cho riêng nên không có căn cứ xem xét. Từ những phân tích trên có cơ sở để xác định tài sản gồm có căn nhà số A, gắn liền diện tích đất 2.214m^2 (TC+ LNK) tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang là di sản thừa kế của cụ C1 văn T9 và cụ Lâm Thị N5 để lại với mục đích để làm nơi thờ cúng họ tộc.

[5] Xét yêu cầu hủy GCNQSDĐ của ông Lê Uy D và bà Võ Thị H: năm 2012 (sau khi bà H1 chết), ông D và bà H đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với tài sản của cụ N5 và cụ T9 để lại nhưng không có sự ủy quyền và đồng ý của các con của hai cụ nên phát sinh tranh chấp. Ông D thừa nhận có ký tên vào 2 tờ xác nhận ngày 31/10/2014 và ngày 03/11/2014 và 2 tờ cam kết ghi ngày 31/10/2014; ông D và bà H đồng ký tên thể hiện nội dung thừa nhận căn nhà là phủ thờ của gánh họ C1 và diện tích đất 2.214m^2 cấp GCNQSDĐ mang số B1252088 số CH.01504 là gia sản của gánh họ C1. Ông bà xác định đây không thuộc quyền tài sản chung của

vợ chồng, ông bà ở quản lý nên không được quyền chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp nhà và đất đai dưới mọi hình thức. Tờ xác nhận có sự chứng kiến ký nhận của ông Châu Thiện N7, ông Châu Hòa N8 và bà Đặng Thị H5 là bà con nhà ở lân cận. Như vậy, nguồn gốc nhà đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ T9 và cụ N5 chưa phân chia mà ông D cho rằng di sản trên là của bà Hoàng t1 cho ông, là tài sản chung của ông D và bà H là trái pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên hủy GCNQSDĐ của ông D, bà H là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Lê Uy D, bà Võ Thị H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với tài sản ông D cho rằng đã đầu tư trên đất: tại cấp sơ thẩm, ông D đã rút toàn bộ yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp. Nếu các bên không thỏa thuận được và có tranh chấp thì được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Mặt khác, xét tài sản tranh chấp là di sản thừa kế của tổ tiên để lại dùng vào việc thờ cúng của dòng họ C1 được các đương sự thừa nhận. Do vậy, phần di sản này không được chia theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự 2015, chỉ dùng vào việc thờ cúng chung. Tòa án cấp sơ thẩm xác định kỷ phần và giá trị tài sản, tuyên phía nguyên đơn giao lại số tiền theo kỷ phần là không phù hợp; Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn tự nguyện đồng ý và không có ý kiến gì; các đương sự cũng không kháng cáo về phần này nên cần ghi nhận theo quyết định của bản án sơ thẩm; Đồng thời, xét thấy tài sản tranh chấp là di sản dùng vào việc thờ cúng nhưng Bản án sơ thẩm lại tuyên buộc ông D, bà H giao lại tài sản cho ông Đ, bà L, bà B và các con bà C2 để *"sở hữu tài sản chung"* là không phù hợp, trái với di nguyện của người để lại di sản. Cần sửa lại phần này của bản án sơ thẩm, xác định di sản thừa kế giao cho phía nguyên đơn để dùng vào việc thờ cúng chung theo quy định tại điều 645 Bộ luật dân sự 2015.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí:

- Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí của bị đơn Lê Vĩnh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1 đã nộp.

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Uy D, bà Võ Thị H, Lê Quỳnh N1 phải chịu án phí theo quy định.

[10] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 3 Điều 296; Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn Lê Vĩnh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Uy D, bà Võ Thị H, Lê Quỳnh N1 (Huỳnh Nghi); sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Áp dụng Điều 617, Điều 618, Điều 645 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị B, bà Châu Thị L, ông Châu Hồng Đ; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trương Ngọc M1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị C2 do bà bà Nguyễn Thị E đại diện theo ủy quyền như sau:

2.1.1 Xác định hàng thừa kế của cụ Lâm Thị N5 và cụ Châu Văn T9 gồm có: bà Châu Thị B, bà Châu Thị L, bà Châu Thị C2, bà Châu Thị Ả, bà Châu Thị H1, ông Châu Hồng Đ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B3 Châu Thị C2 gồm có 1/bà Nguyễn Thị E, 2/bà Nguyễn Thị Kim B1 (chết) người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà B1 gồm: bà Trần Thị Thiên H2, ông Trần Duy L1, bà Trần Thị Thiên T2, bà Trần Thị Thiên H2, 3/ông Nguyễn Văn H3, 4/bà Nguyễn Thị Ngọc T3, 5/bà Nguyễn Thị Thu T4, 6/ông Nguyễn Thanh H4.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B3 Châu Thị Ả gồm có bà Hà Ngọc N3, ông Hà Đăng Đ2, ông Hà Đăng L2, bà Hà Ngọc M, ông Hà Tích T7, ông Hà Đăng T5. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Đăng T5 có bà Hồ Thị Đ3, Hà Thanh S và Hà Ngọc Thanh M.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Châu Thị H1 có ông Lê Uy D, ông Lê Uy Đ1 và bà Lê Thị Cẩm T1.

2.1.2 Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 01504 ngày 10/12/2012 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho Lê Uy D, bà Võ Thị H đối với diện tích 2.214m^2 tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Các đương sư có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có diện tích 2.214m^2 theo quy định của pháp luật.

2.1.3 Xác định di sản của cụ Lâm Thị N5 và cụ Châu Văn T9 là căn nhà số A gắn liền diện tích 2.214m^2 đất (ở nông thôn và trồng cây lâu năm, trong đó có 167,8m^2 là diện tích nằm trong hành lang giao thông) tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang có giá trị chung là 2.818.526.491 đồng.

2.1.4 Chấp nhận yêu cầu xác lập quyền thừa kế di sản để làm nơi thờ cúng dòng họ Châu đối với tài sản căn nhà số A gắn liền diện tích 2.214m^2 đất (ở nông thôn và trồng cây lâu năm, trong đó có 167,8m^2 là diện tích nằm trong hành lang giao thông) tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang của bà Châu Thị B, bà Châu Thị L, bà Châu Thị C2, ông Châu Hồng Đ. Ông Châu Hồng Đ và bà Trương Ngọc M1 quản lý tài sản chung để thờ cúng tổ tiên dòng họ C1, bà L tạm quản lý trong thời gian chờ ông Đ và bà M1 trở về Việt Nam sống; Những người thuộc hàng thừa kế trong phần Quyết định mục 2.1.1 được quyền thực hiện việc thờ cúng tổ tiên theo quy định của dòng họ C1.

2.1.5 Chấm dứt quyền quản lý của ông Lê Uy D và bà Võ Thị H đối với di sản thừa kế của cụ Lâm Thị N5 và cụ Châu Văn T9 đối với căn nhà số A gắn liền diện tích 2.214m^2 đất (ở nông thôn và trồng cây lâu năm, trong đó có 167,8m^2 là diện tích nằm trong hành lang giao thông) tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Ông D, bà H và các con có trách nhiệm giao lại nhà và đất cho ông Đ, bà L, bà B, và các con của bà C2 để làm nơi thờ cúng chung của dòng họ C1.

2.1.6 Thời gian lưu cư của ông Lê Uy D, bà Võ Thị H, ông Lê Vĩnh N và bà Lê Quỳnh N1 là 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự như sau:

2.2.1 Ông Châu Hồng Đ và bà Trương Ngọc M1 tự nguyện liên đới chịu trách nhiệm giao lại giá trị 01 kỷ phần thừa kế cho bà Châu Thị H1 được hưởng là 402.646.641 đồng, do các thừa kế của bà H1 nhận gồm có ông Lê Uy D, ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1. Đối với 01 kỷ phần thừa kế của bà Châu Thị Ả, ông Châu Hồng Đ và bà Trương Ngọc M1 có trách nhiệm tạm quản lý khi nào các con của bà Ả có yêu cầu thì giao lại.

2.2.2 Ông Châu Hồng Đ và Trương Ngọc M1 có trách nhiệm giao lại số tiền 402.646.641 đồng cho ông Lê Uy D, bà Võ Thị H do được nhận giá trị 01 kỷ phần thừa kế do có công sức bồi đắp, gìn giữ, quản lý di sản.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

3.1 Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí của bị đơn Lê Vĩnh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Uy Đ1, bà Lê Thị Cẩm T1 đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0000396, 0000398, 0000399 cùng ngày 07/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3.2 Ông Lê Uy D, bà Võ Thị H, Lê Quỳnh N1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0000394, 0000395 và 0000397 cùng ngày 07/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương **Nguyễn Thị Thúy Hòa** **Lê Văn An**